

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HS-ST
Ngày: 28/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Nguyễn Thị Đông Nguyệt;
- Lê Thị Kim Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Luân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2025/HSST ngày 15/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-HS ngày 11/8/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Đình D**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04/11/1997, tại: Hải Dương; Số căn cước công dân: 06***** cấp ngày 18/9/2023, tại: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đoàn Đình V, sinh năm 1972 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1974; Anh chị em: 03 người; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/02/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 17 Lê Văn L, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Đình D (cấp bậc Trung úy) là cán bộ của Trung đội A, Đại đội A Tiểu đoàn bảo vệ mục tiêu đặc biệt thuộc Trung đoàn A, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ Công an được giao nhiệm vụ ca trưởng điều hành hoạt động ra vào cổng bảo vệ mục tiêu tại Trụ sở Bộ Công an, Văn phòng phía N - Địa chỉ số 258 Nguyễn T, phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/4/2024, chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Số 17 Lê Văn L, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đến Trụ sở Bộ Công an, Văn phòng phía N, địa chỉ số 258 Nguyễn T, phường X, Quận X - nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh để trình báo vụ việc chị bị nhóm đối tượng chưa rõ lai lịch kêu gọi, dụ dỗ chị làm nhiệm vụ trên mạng, lừa đảo chiếm đoạt của chị V số tiền 937.000.000 đồng nhưng do quá giờ làm việc, chị không trình báo được. Lúc này, Đoàn Đình D đang làm nhiệm vụ điều hành hoạt động ra vào cổng tại trụ sở đến hỏi chị V mục đích đến trụ sở công an làm gì, chị V cho biết đến trình báo bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua trò chuyện D biết chị V chưa làm đơn, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị V nên nói chị V đứng đợi đến khi hết ca trực và sẽ hướng dẫn làm đơn tố cáo.

Sau khi làm xong đơn, D không hướng dẫn chị V nộp đơn tại trực ban hình sự Bộ Công an mà chở chị V đến quán cà phê tại địa chỉ 343 Nguyễn T, phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để nói chuyện. Tại đây, D đưa ra thông tin gian dối rằng việc tiếp nhận, giải quyết đơn tại Bộ Công an thường mất rất nhiều thời gian nếu muốn giải quyết nhanh thì D sẽ đứng ra tiếp nhận đơn cho chị V rồi chuyển cho người có thẩm quyền để đẩy nhanh quá trình thụ lý, giải quyết với điều kiện chị V phải chịu một khoản “án phí”. Chị V đồng ý và cho D biết chỉ mang theo số tiền 5.000.000 đồng nên D đã đồng ý nhận số tiền trên, D cung cấp tài khoản của mình số 0902983703, mở tại Ngân hàng B để chị V chuyển số tiền 3.000.000 đồng còn số tiền 2.000.000 đồng thì chị V đưa trực tiếp cho D. D nhận lấy đơn tố cáo từ chị V rồi cả hai ra về. D sử dụng số tiền của chị V vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 11/4/2024, D tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị V nên sử dụng số điện thoại 0xxxxxx (do D đứng tên) tạo một tài khoản Zalo “Tân” rồi chủ động kết bạn ứng dụng Zalo với chị V và thông báo cho chị V biết đã nhận được đơn và yêu cầu chị V đóng phí giải quyết là 50.000.000 đồng, người nhận tiền là Đoàn Đình D, chị V gọi điện thoại thông báo cho D biết chỉ có 40.000.000 đồng, D nói với chị V đưa trước số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng D cho chị V mượn. Ngày 12/4/2024, chị V đến gặp D tại số 343 Nguyễn T, phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển cho D số tiền 40.000.000 đồng.

Đến ngày 24/5/2024, D tiếp tục sử dụng tài khoản Zalo số điện thoại 0xxxxxx yêu cầu chị V chuyển thêm số tiền 10.000.000 đồng và người nhận tiền là Đoàn Đình D. Do không đủ tiền nên chị V chỉ chuyển cho D 5.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng D nói cho chị V mượn. Sau khi đưa tiền cho D nhưng không thấy kết quả giải quyết đơn, chị V nhắn tin cho D thì được hứa hẹn trả lại tiền nhưng thực tế D không trả tiền cho chị V.

Ngày 22/8/2024, D mang đơn tố cáo của chị V đến Bureau tại địa chỉ 784 S, Phường X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện dịch vụ chuyển phát nhanh đến Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an Thành phố Hồ Chí Minh, thông tin người gửi tên “Trịnh Xuân D, địa chỉ số 242 Phạm Văn Đ, phường X, Thành phố Hà Nội” (đây là một người bạn của D) rồi D gọi điện báo cho chị V biết đơn của chị V đã chuyển về Công an Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết.

Ngày 04/9/2024, Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển đơn tố cáo của chị V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 26/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập chị V đến làm việc, chị V nghi ngờ bị Đoàn Đình D lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã trình báo sự việc nêu trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn Đình D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động màu trắng (không rõ nhãn hiệu), số seri: C39XX6CNKPET, Imei: 357204096123747, thu giữ của Đoàn Đình D, điện thoại D sử dụng để trao đổi với bị hại trong quá trình phạm tội.

- 01 phong bì có thông tin “Người gửi: Trịnh Xuân D; Địa chỉ: 242 Phạm Văn Đ – X – Hà Nội; Số điện thoại: 09XXXXXX”, “Người nhận: P, Phòng Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao CA TPHCM; Địa chỉ: 268 Trần Hưng Đ, phường X, Q X – HCM”. Trên phong bì có đóng dấu xác nhận của Bureau Sư Vạn Hạnh, số 740310, đề ngày 22/8/2024 và dán mã vận đơn EF 709 625 008 VN.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Đình D đã trả lại cho chị Nguyễn Thị V số tiền 50.000.000. Bị hại không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 466/CT-VKS-P2 ngày 09/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đoàn Đình D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s, v Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đoàn Đình D từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử lý vật chứng, đề nghị:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu trắng (không rõ nhãn hiệu), số seri: C39XX6CNKPET, Imei: 357204096123747, thu giữ của Đoàn Đình D, điện thoại D sử dụng để trao đổi với bị hại trong quá trình phạm tội.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 phong bì có thông tin “Người gửi: Trịnh Xuân D; Địa chỉ: 242 Phạm Văn Đ – X – Hà Nội; Số điện thoại: 09XXXXXX”, “Người nhận: P, Phòng Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao CA TPHCM; Địa chỉ: 268 Trần Hưng Đ, phường X, Q. X – HCM”. Trên phong bì có đóng dấu xác nhận của Bureau Sur Vain Hạnh, số 740310, đề ngày 22/8/2024 và dán mã vận đơn EF 709 625 008 VN.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ số tiền 50.000.000 đồng bị chiếm đoạt, không có yêu cầu nào khác nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Đoàn Đình D đưa ra thông tin gian dối về việc: D tiếp nhận đơn tố giác của chị Nguyễn Thị V để gửi cho người có thẩm quyền giải quyết nhanh và giả mạo cán bộ thụ lý để nhấn tin yêu cầu chuyển tiền phí mặc dù bản thân D không có chức năng, nhiệm vụ trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm. Bị hại đã 03 lần đưa tiền cho D qua hình thức giao nhận trực tiếp và chuyển

khoản vào các ngày 09/4/2024 số tiền 5.000.000 đồng, 11/4/2024 số tiền 40.000.000 đồng và ngày 24/5/2024 số tiền 5.000.000 đồng. Tổng số tiền Đoàn Đình D đã chiếm đoạt của chị V là 50.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi cá nhân. Tội phạm bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đưa thông tin gian dối về việc tiếp nhận đơn tố giác của chị Nguyễn Thị V để gửi cho người có thẩm quyền giải quyết nhanh chiếm đoạt của chị V 5.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo tiếp tục giả mạo cán bộ thụ lý để nhắn tin yêu cầu bị hại chuyển tiền phí và chiếm đoạt của bị hại số tiền 40.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả đối với số tiền chiếm đoạt, bị hại đã nhận lại tiền bị chiếm đoạt và không có ý kiến về dân sự. Ngoài ra trong quá trình công tác, ngày 24/9/2019, bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh K tặng Bằng khen đột xuất vì có thành tích xuất sắc trong việc đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã L, thành phố K, tỉnh K; Được Ban chấp hành đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh – Bộ Tư lệnh cảnh sát cơ động tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên; Được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Vì an ninh Tổ quốc; Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điều b, s, v Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.3] Xét thấy bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần nhưng mỗi lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng tại địa chỉ Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội và phù hợp với quy

định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện không nguồn thu nhập ổn định do đó Hội đồng xét xử xem xét không buộc bị cáo phải chịu phạt tiền theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu nào khác trong vụ án nên không có gì để xem xét.

[7] Xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại di động màu trắng (không rõ nhãn hiệu), số seri: C39XX6CNKPET, Imei: 357204096123747 của Đoàn Đình D, là phương tiện D sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, do đó tịch thu sung quỹ Nhà nước

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 phong bì có thông tin “Người gửi: Trịnh Xuân D; Địa chỉ: 242 Phạm Văn Đ – X – Hà Nội; Số điện thoại: 09XXXXXX”, “Người nhận: P, Phòng Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao CA TPHCM; Địa chỉ: 268 Trần Hưng Đ, phường X, Q X – HCM”.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s, v Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Đình D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn Đình D cho Ủy ban nhân dân xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo Đoàn Đình D phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Đoàn Đình D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đoàn Đình D cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Đoàn Đình D phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, 107 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động màu trắng (không rõ nhãn hiệu), số seri: C39XX6CNKPET, Imei: 357204096123747.

(Theo Biên bản bàn giao tang vật số: NK2025/626 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01 phong bì có thông tin “Người gửi: Trịnh Xuân D; Địa chỉ: 242 Phạm Văn Đ – X – Hà Nội; Số điện thoại: 09XXXXXX”, “Người nhận: P, Phòng Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao CA TPHCM; Địa chỉ: 268 Trần Hưng Đ, phường X, Q X – HCM”. Trên phong bì có đóng dấu xác nhận của Bureau Sư Vạn Hạnh, số 740310, đề ngày 22/8/2024 và dán mã vận đơn EF 709 625 008 VN (Bút lục 211).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Đoàn Đình D)

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV1 - TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Tính

